TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 607/2025/HC-PT
Ngày: 19 - 5 - 2025
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 86/2025/TLPT-HC ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2024/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 499/2025/QĐPT-HC ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Số E, tổ A, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K:

1. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1954 (có mặt);

Cư trú: số 319A/16, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2024)

2. Ông Hà Văn Q, sinh năm 1958 (có mặt);

Cư trú: tổ F, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/5/2024)

- *Người bị kiện*: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ: đường N, ấp T, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Trần Minh H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972 (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Thị Bạch X (có mặt)

2. Bà Phạm Thị Cẩm V, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số E, tổ A, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1954 (vắng mặt);

4. Ông Nguyễn Hoàng H1, sinh năm 1945 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số G, tổ B, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Cẩm V và ông Nguyễn Hoàng H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/6 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/6/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn K và người đại diện trình bày: Ông là chủ sử dụng phần đất có diện tích 730m^2, tọa lạc tại ấp A, xã H huyện C. Trên đất có một căn nhà cấp 4, xung quanh có dựng trụ đá và rào lại bằng lưới B40. Nguồn gốc đất trước đây là của ông bà ông, sau khi ông, bà qua đời đất được chia đều cho mỗi người con để sử dụng ổn định lâu dài. Việc ông xây hàng rào lưới B40 và cấm các trụ đá để bao quanh phần đất của mình thì những người giáp ranh đều chứng kiến và không có ý kiến.

Khi vụ việc được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã H thì phía ông S, bà V cùng ông H1, bà D không chỉ được ranh đất của mình, mặc dù Uỷ ban nhân dân xã hỏi tới hỏi lui nhiều lần ranh mốc ở đâu thì không ai trả lời được.

Vừa qua, ông có làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C xuống đo đạc để làm thủ tục cấp giấy nhưng nơi đây trả lời rằng, đất của ông gặp vướng

mắc: *"Vì chưa thống nhất ranh với ông Nguyễn Văn S và Nguyễn Hoàng H1 nên không thể thực hiện được"*.

Nay ông yêu cầu:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22/10/2019 cho ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Cẩm V, thửa đất số 53, tờ bản đồ số 43, diện tích 290,80m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04667.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22/8/2003 cho bà Phạm Thị D, thửa đất số 54, tờ bản đồ số 43, diện tích 344,8m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04826QSDĐ/mB.

Lý do yêu cầu hủy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Cẩm V, bà Phạm Thị D đã trùng với thửa đất do ông đang sử dụng.

* *Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C:* Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và có đơn xin vắng mặt.

Tại văn bản số 384/UBND-NC ngày 04/3/2024, Ủy ban nhân dân huyện C trả lời cho Tòa án với nội dung:

1. Đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04826/mB ngày 22/8/2003 do bà Phạm Thị D đứng tên.

Theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị D, thì đất có nguồn gốc do bà D thừa kế của cha mẹ sử dụng ổn định từ trước năm 1975, diện tích 344,8m^2 đất ở tại nông thôn, thuộc thửa số 54, tờ bản đồ số 43, đất tọa lạc tại Ấp A, xã H, huyện C.

Khi có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Quyết định số 272/2002/QĐ/UB ngày 30/01/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh A, về việc ban hành bản quy định về trình tự, thủ tục xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu Nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân có nhà, đất trên địa bàn tỉnh An Giang. Bà Phạm Thị D nộp đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với diện tích 344,8m^2 đất ở tại nông thôn, thuộc thửa số 54, tờ bản đồ số 43, đất tọa lạc tại Ấp A, xã H. Hồ sơ được các hộ tứ cận đồng ý ký tên (trong đó có ông Nguyễn Văn K) và Hội đồng xét cấp giấy xã H thống nhất đề nghị Uỷ ban nhân dân huyện cấp giấy cho bà Phạm Thị D.

Ngày 22/8/2003, bà Phạm Thị D được Uỷ ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04826/mB diện tích 344,8m^2, đất ở tại

nông thôn, thuộc thửa số 54, tờ bản đồ số 43, đất tọa lạc tại Ấp A, xã H, huyện C.

Do đó việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04826/mB, ngày 22/8/2003 cho bà Phạm Thị D là đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định.

2. Đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04667/mB ngày 22/10/2019 do ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Cẩm V đứng tên.

Ngày 03/9/2019 vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Cẩm V nộp hồ sơ xin đăng ký quyền sử dụng đất. Theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Cẩm V thì đất có nguồn gốc là do cha Phạm Văn N sử dụng ổn định trước năm 1975 đến năm 1992 cho lại vợ chồng ông Nguyễn Văn S sử dụng ổn định đến nay. Diện tích 290,8m^2 đất ở tại nông thôn, thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 43, đất tọa lạc tại Ấp A, xã H, huyện C. Đơn được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận ngày 10/10/2019 với đầy đủ các nội dung. Trong quá trình đo đạc ông Nguyễn Văn K cũng thống nhất ranh giới và ký tên tứ cận (tại biên bản xác định ranh giới thửa đất ngày 06/9/2019) và niêm yết công khai 15 ngày theo quy định (từ ngày 25/9/2019 đến ngày 09/10/2019). Trong quá trình niêm yết công khai, Ủy ban nhân dân xã H không có nhận được đơn tranh chấp hay khiếu nại nào đối với diện tích đất mà vợ chồng ông Nguyễn Văn S xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trình tự, thủ tục được thực hiện theo Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT của Bộ T về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Bộ T.

Ngày 22/10/2019 ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Cẩm V được Uỷ ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04667 diện tích 290,8m^2 đất ở tại nông thôn, thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 43, đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C.

Do đó việc Uỷ ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04667 diện tích 290,8m^2 đất ở tại nông thôn, thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 43 cho ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Cẩm V là đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định.

Cho nên việc ông Nguyễn Văn K khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện C và yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04826/mB ngày 22/8/2003 diện tích 344,8m^2 đất ở tại nông thôn, thuộc tờ bản đồ số 43, thửa

số 54 cho bà Phạm Thị D đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04467 ngày 22/10/2019 diện tích 290,8m^2 đất ở tại nông thôn thuộc tờ bản đồ số 43, thửa số 53 cho ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Cẩm V đứng tên là không có cơ sở. Ủy ban nhân dân huyện C không đồng ý hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nêu trên và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

Tại biên bản đối thoại ngày 20/3/2024 ông Nguyễn Văn S có ý kiến: Nguồn gốc đất này là của cha mẹ vợ ông cho vợ chồng ông và đã được Nhà nước cấp giấy, ông không có lấn chiếm đất của ông K. Đất này hiện nay vợ chồng ông đã cất nhà ở, trên đất không có cây trồng. Đối với yêu cầu hủy giấy của ông K ông không có ý kiến, ông chỉ có ý kiến đất của ông được cấp bao nhiêu vợ chồng ông sử dụng bấy nhiêu, nếu ông K yêu cầu đo đạc, có dư ra diện tích bao nhiêu thì ông K cứ lấy ông không có ý kiến.

Ông Nguyễn Hoàng H1 trình bày: Đối với yêu cầu hủy giấy của ông K, ông không có ý kiến vì chính ông và ông K không biết diện tích lấn chiếm như thế nào. Sau khi ông K yêu cầu đo đạc và xác định được diện tích của các bên cùng với hồ sơ cấp giấy của ông và của ông S thì ông sẽ có ý kiến cụ thể về yêu cầu khởi kiện của ông K.

Theo yêu cầu của người khởi kiện việc đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ được tiến hành vào ngày 09/5/2024.

Theo biên bản đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2024 và bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 20/5/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 thì:

Trên diện tích đất đo đạc (đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có căn nhà hiện do ông K quản lý, sử dụng, phía trái căn nhà là phần đất trống ông K trồng mai kiểng (đây là phần đất tranh chấp giữa ông K, ông S, ông H1).

Phần đất ở các điểm 10, 14, 28, 27, 26, 24, 23, 25, 22, 21 là phần đất đo đạc theo chỉ dẫn của ông Nguyễn Văn K có diện tích 672,8m^2. Trong đó:

+ Các điểm 10,71,70,69 có diện tích 3,5m^2 thuộc đất giao thông.

+ Các điểm 69,70,71,79,78,77, 22, 21 có diện tích 148,9m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04667 cấp cho ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Cẩm V..

+ Các điểm 79, 72, 73, 28, 27, 26, 76, 78 có diện tích 480,3m^2 thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 43.

+ Các điểm 25, 77, 78, 76, 24, 23 có diện tích 33,,4m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04826/mB cấp cho bà Phạm Thị D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2024/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04667 ngày 22/10/2019 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Cẩm V.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDĐ/Mb ngày 22/8/2003 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Phạm Thị D.

Giao cho Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang, xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng thực tế sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Cẩm V, bà Phạm Thị D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/9/2024 và 05/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Nguyễn Văn S và Phạm Thị Cẩm V; Nguyễn Hoàng H1 kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông K về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04667 ngày 22/10/2019 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Cẩm V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hoàng H1 vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông K về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDĐ/Mb ngày 22/8/2003 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Phạm Thị D vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà D là đúng quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S - Luật sư Nguyễn Thị Bạch X phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông S vì bản vẽ hiện trạng của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng thực tế về ranh giới đất tranh chấp do ông S, ông H1 không được tham gia chỉ ranh đo vẽ. Thửa đất tranh chấp do ông S, bà V

sử dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ lời khai một phía của ông K để xác định đất của ông K là không khách quan. Trường hợp không đủ căn cứ sửa án sơ thẩm thì đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do Tòa án ấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng như ông K chỉ kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định đất của ông K là vượt quá thẩm quyền; Tòa cấp sơ thẩm không đưa Văn phòng đăng ký đất đai vào tham gia tố tụng để xác định lại cột mốc ranh giới là thiếu sót.

Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn K (có ông Phan Văn Đ và ông Hà Văn Q đại diện theo ủy quyền) không đồng ý kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì ông K là chủ sử dụng hợp pháp đất tranh chấp, nguồn gốc đất do ông bà để lại và chia cho ông K. Ông K đã rào lưới B40, dựng trụ đá làm ranh giới và trồng cây kiểng, cây ăn trái trên đất hơn 15 năm, phía ông S và ông H1 không có ý kiến gì. Bà D, bà V, ông S, ông H1 cũng không chỉ được ranh giới đất của mình. Theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất của công ty Đ1 thể hiện phần đất ông K đang sử dụng nằm trong hàng rào lưới B40 nhưng phần này lại bị cấp quyền sử dụng cho ông S, bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy của pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện xin vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị D vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự này.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là bà Phạm

Thị Cẩm V, bà V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, bà V là vợ ông S và có cùng yêu cầu kháng cáo với ông S. Do đó, Hội đồng xét xử không đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà V mà tiếp tục giải quyết vụ án.

[2] Theo người khởi kiện trình bày, ông Nguyễn Văn K có quyền sử dụng đất đối với diện tích 730m^2 tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nhưng Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Cẩm V, bà Phạm Thị D đã trùng với thửa đất do ông đang sử dụng. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày thì ông K không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ liên quan đến nguồn gốc, diện tích thửa đất mà ông K đang quản lý, sử dụng tại cơ quan có thẩm quyền, chỉ căn cứ vào lời trình bày của ông K đã xác định phần đất ông K quản lý, sử dụng có diện tích 730m^2 là chưa đủ căn cứ.

[3] Trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04826/mB ngày 22/8/2003 cho bà Phạm Thị D và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04667 ngày 22/10/2019 cho ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Cẩm V thì ông K đều thống nhất ranh giới và ký tên xác nhận tứ cận. Trong quá trình niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã H thì không có tranh chấp hoặc khiếu nại đối với diện tích đất mà bà D, ông S và bà V xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Tại Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 20/5/2024 của Công ty TNHH Đ1 thể hiện ranh giới giữa các thửa đất theo bản đồ địa chính và ranh xác định theo chỉ dẫn của ông K không trùng khớp nhau, nhưng trong Bản trích đo không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (chưa được kiểm tra nội nghiệp). Mặt khác, Bản trích đo trên chỉ đo đạc phần diện tích đất ông K đang quản lý, sử dụng; không đo đạc diện tích phần đất thực tế mà bà D, ông S và bà V đang quản lý sử dụng. Do đó, Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Bản trích đo này để xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có phần diện tích trùng lên thửa đất của ông K là chưa đủ căn cứ. Để có đủ cơ sở giải quyết vụ án, cần thiết phải đo vẽ trên thực tế 03 phần đất, so sánh đối chiếu ranh giới giữa các thửa đất trên thực tế và ranh xác định theo bản đồ địa chính.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ khi giải quyết vụ án. Việc xét xử vụ án tại cấp phúc thẩm sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự nên chấp nhận một phần kháng cáo của ông S, bà V và ông H1, hủy

bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[6] Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bị hủy với lý do nêu trên nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến nội dung vụ án.

[7] Án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu, theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Cẩm V; ông Nguyễn Hoàng H1.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2024/HC-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;

Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Cẩm V không phải chịu; Hoàn trả mỗi đương sự 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000417, 0000418 cùng ngày 06/9/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Hoàng H1 không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Nhựt Bình